

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 193/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số nhà I, tổ E, KDC Q, phường A, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà F, tổ A, KDC C, phường A, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị H và anh L xác định có 01 con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 10/01/2020. Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 kể từ ngày 20/4/2026 cho đến khi cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động được. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Chị H có một con riêng là cháu Nguyễn Gia H2, sinh ngày 05/3/2017. Chị H tự chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2, không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con

đối với cháu H2.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy L đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001793 ngày 11/3/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 2-Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ
- UBND phường Âu Cơ;
(ĐKKH ngày 21/7/2020
tại UBND xã p Âu Cơ)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan